

**DANH SÁCH CHỌN ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI KHỐI 11
NĂM HỌC 2023 - 2024**

STT	LỚP	Môn	HỌ TÊN HỌC SINH	GHI CHÚ
1	10C14	Anh	CAO THUY DƯƠNG	THỦ KHOA
2	10C01	Anh	HOÀNG NGỌC ĐIỀU AN	
3	10C04	Anh	NGUYỄN PHÚC MINH	
4	10C01	Anh	LƯƠNG NGÔ DIỄM QUỲNH	
5	10C09	Anh	TRẦN KIẾN ĐÔNG	
6	10C09	Anh	NGUYỄN THIÊN KHÔI	
7	10C09	Anh	NGUYỄN TRÍ KHOA	
8	10C14	Anh	HUỲNH TRẦN MINH TÂM	
9	10C02	Anh	LÊ NGUYỄN QUỲNH NHƯ	
10	10C06	Anh	TRẦN HOÀNG PHƯƠNG ANH	
11	10C17	Anh	TÔ PHẠM GIA NGUYỄN	
12	10C03	Anh	MAI HOÀNG GIA HUY	
13	10C15	Anh	VÕ HOÀNG GIANG	
14	10C04	Anh	VÕ HUỲNH CHÍ MINH	
15	10C17	Anh	NGUYỄN QUANG HẢI ANH	
16	10C09	Địa	LÊ HUỲNH ĐỨC HUY	THỦ KHOA
17	10C10	Địa	PHẠM NGUYỄN TỔ UYÊN	
18	10C02	Địa	NGUYỄN MINH NGỌC	
19	10C08	Địa	NGÔ HOÀNG TRÍ	
20	10C09	Địa	NGUYỄN HUỲNH ANH THƯ	
21	10C01	Sử	LÊ BẢO NGỌC	THỦ KHOA
22	10C02	Sử	NGUYỄN NGỌC QUỲNH NHƯ	
23	10C01	Sử	NGUYỄN THANH NGÂN	
24	10C18	Sử	NGUYỄN NGỌC MINH ANH	
25	10C01	Sử	LÊ NGỌC MINH AN	
26	10C01	Sử	LÊ TRẦN PHÚC NGHI	
27	10C01	Sử	PHAN NGUYỄN HỒNG THÁI	
28	10C02	Sử	BÙI THỊ MỸ DUNG	
29	10C01	Sử	VŨ HOÀNG BẢO THY	
30	10C07	Sử	LÂM PHI VŨ	
31	10C17	Sử	BÙI NGUYỄN MINH TRÂM	
32	10C06	Văn	NGUYỄN HIỀN MINH	THỦ KHOA
33	10C07	Văn	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	THỦ KHOA
34	10C01	Văn	TRẦN THANH PHÚC	
35	10C05	Văn	VÕ KIỀU ANH	
36	10C10	Văn	PHẠM THỊ MỸ DUYỀN	
37	10C01	Văn	LÊ NGỌC THẢO VY	
38	10C02	Văn	NGUYỄN THỊ MINH ANH	
39	10C06	Văn	LÊ NGỌC DUYỀN THƠ	
40	10C07	Văn	ĐINH GIA QUỲNH	

41	10C13	Văn	NGUYỄN PHAN BẢO HÂN	
42	10C15	Văn	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	
43	10C15	Văn	NGUYỄN HOÀNG ANH TRÍ	
44	10C02	Văn	TRẦN THỊ THU TRANG	
45	10C14	Văn	VÒNG GIA NGHI	
46	10C07	Hóa	NGUYỄN ĐÌNH PHÚ LỢI	THỦ KHOA
47	10C06	Hóa	TRẦN CAO HUY	
48	10C10	Hóa	ÂU LINH SAN	
49	10C07	Hóa	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	
50	10C12	Hóa	NGUYỄN HOÀI TRUNG	
51	10C05	Hóa	LÊ VŨ KHÁNH DUY	
52	10C03	Hóa	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	
53	10C06	Hóa	HỒ QUỲNH HƯƠNG	
54	10C08	Hóa	NGUYỄN PHÚ THỊNH	
55	10C17	Hóa	VŨ ĐỨC LINH SANG	
56	10C07	Hóa	NGÔ PHAN NGỌC HÂN	
57	10C06	Hóa	HUỲNH ĐỨC THÀNH	
58	10C16	Hóa	NGUYỄN VĂN LỰC	
59	10C17	Hóa	NGUYỄN GIA BẢO CHÂU	
60	10C17	Hóa	TRẦN NHẬT KHÁNH ĐOAN	
61	10C10	Hóa	MAI NGỌC TIỀN	
62	10C03	Lý	NGUYỄN THÀNH NHÂN	THỦ KHOA
63	10C04	Lý	ĐOÀN QUANG MINH	
64	10C06	Lý	THÂN TRỌNG KHANG	
65	10C05	Lý	ĐỖ TẤN ĐẠI	
66	10C06	Lý	TRỊNH THẾ PHÁT	
67	10C05	Lý	ĐẶNG NHƯ NGỌC	
68	10C07	Lý	VĂN ANH QUÂN	
69	10C08	Lý	NGUYỄN KHÁNH TOÀN	
70	10C14	Lý	TRẦN THỊ THUY TRINH	
71	10C15	Lý	NGUYỄN CỬU LONG	
72	10C10	Lý	DƯƠNG MỸ HÀ	
73	10C10	Lý	NGUYỄN THỊ THẢO VÂN	
74	10C15	Lý	NGUYỄN THỊ LINH ĐAN	
75	10C03	Lý	NGUYỄN TUẤN TÀI	
76	10C07	Lý	NGUYỄN ĐÌNH QUÂN	
77	10C07	Lý	ĐỖ PHÁT THÀNH TÀI	
78	10C11	Toán	LÊ THANH HIẾU	THỦ KHOA
79	10C18	Toán	VĂN HOÀNG TUÂN	THỦ KHOA
80	10C03	Toán	HUỲNH GIA HÂN	
81	10C15	Toán	LÂM BẢO HÂN	
82	10C07	Toán	NGUYỄN ĐỨC PHÁT	
83	10C08	Toán	VŨ GIA HÙNG	
84	10C14	Toán	NGUYỄN HOÀNG LONG	
85	10C18	Toán	NGUYỄN LÊ THUY LINH	
86	10C02	Toán	NGUYỄN SANH KHOA	
87	10C02	Toán	NGUYỄN SANH KHOA	
88	10C07	Toán	TRƯƠNG NGUYỄN ANH KIẾT	
89	10C12	Toán	ĐỖ TRỌNG KHOA	

90	10C04	Toán	BÙI PHẠM GIA HÂN	
91	10C11	Toán	NGUYỄN MINH TRÍ	
92	10C13	Toán	HỒ PHAN PHÚC LỘC	
93	10C17	Toán	NGÔ HONÀNG PHÁT	
94	10C17	Toán	ĐỖ THANH THẢO	
95	10C16	Sinh	VÕ TÔ SONG THƯỜNG	THỦ KHOA
96	10C18	Sinh	NGUYỄN HỒNG AN	
97	10C17	Sinh	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	
98	10C18	Sinh	NGUYỄN NGỌC KIM TUYẾN	
99	10C16	Sinh	LƯƠNG MINH PHÚC	
100	10C18	Sinh	TRẦN PHAN TUẤN KIẾT	
101	10C18	Sinh	HOÀNG MINH KHANG	
102	10C17	Sinh	TRẦN GIA HÂN	
103	10C16	Sinh	NGUYỄN PHƯƠNG TÂM	
104	10C18	Sinh	LÊ HỮU KHÁNH VÂN	
105	10C18	Sinh	TRƯƠNG ĐĂNG KHÔI	
106	10C17	Sinh	ĐỖ NGUYỄN ĐAN QUỲNH	
107	10C16	Sinh	TRẦN THANH NGỌC	
108	10C16	Sinh	NGUYỄN HÀ NGỌC PHƯƠNG	
109	10C17	Sinh	PHÙNG TUYẾT NHI	
110	10C03	Tin	NGUYỄN HUỲNH TIẾN PHÁT	
111	10C05	Tin	VŨ NGUYỄN VIỆT KHANH	Thủ Khoa
112	10C05	Tin	TRƯƠNG QUỐC SANG	
113	10C08	Tin	NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	
114	10C09	Tin	LÊ VŨ QUỐC KHÁNH	
115	10C10	Tin	HỒ NGỌC DUY	
116	10C10	Tin	NGUYỄN LÊ PHƯỚC HÒA	
117	10C11	Tin	NGUYỄN QUANG MINH	